



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

Địa chỉ ĐKKD: 29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 4881
Địa chỉ giao dịch: 26 Nguyễn Huy Tự, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 4881/ 3820 6881 - Fax: 028. 3820 6881

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May Hữu Nghị (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Khái quát

Công ty Cổ Phần May Hữu Nghị là Doanh nghiệp Nhà nước chuyển thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 21/03/2002 của Thủ Tướng Chính phủ.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103001027 ngày 06 tháng 05 năm 2002, Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần 9 số 0302641539 ngày 07/12/2017 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất các sản phẩm ngành may ; in nhãn hiệu các loại ; kinh doanh thiết bị, phụ tùng máy may, nguyên phụ liệu ngành may. Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, nhà ở, máy móc thiết bị ngành may, xe ô tô, xe tải ; kinh doanh bất động sản ; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm 2018 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Hà Văn Duyệt	Chủ tịch
Ông Kiều Ngọc Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Phan Thanh Sơn	Thành viên (đến 22/4/2018)
Ông Hà Văn Long	Thành viên
Ông Lê Mạc Thuận	Thành viên (từ 22/4/2018)
Ông Mai Văn Thiên	Thành viên (từ 22/4/2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hà Văn Duyệt	Tổng Giám đốc
Ông Kiều Ngọc Mạnh Hùng	Phó tổng Giám đốc
Ông Hà Văn Long	Phó tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Trưởng ban (từ 22/4/2018)
Ông Dương Thanh Tùng	Trưởng ban (đến 22/4/2018)
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Thành viên (đến 22/4/2018)
Bà Trần Thị Ngọc Dung	Thành viên (đến 22/4/2018)
Ông Dương Thanh Tùng	Thành viên (từ 22/4/2018)
Bà Vũ Thị Thùy Dương	Thành viên (từ 22/4/2018)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hà Văn Duyệt
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2019



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc
Công ty Cổ Phần May Hữu Nghị

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần May Hữu Nghị được lập ngày 01 tháng 03 năm 2019, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần May Hữu Nghị tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Lan

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0167-2018-152-1

Nguyễn Anh Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1559-2018-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		499.291.125.058	462.471.100.445
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	172.064.704.615	170.855.799.690
1. Tiền	111		132.064.704.615	102.855.799.690
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	68.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		202.915.727.847	126.097.434.002
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	194.859.016.951	125.205.800.119
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	7.298.491.100	116.147.704
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	758.219.796	775.486.179
III. Hàng tồn kho	140	V.5	102.904.309.861	145.096.274.916
1. Hàng tồn kho	141		102.904.309.861	145.096.274.916
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.406.382.735	20.421.591.837
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.406.382.735	20.421.591.837
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		78.939.187.298	77.350.742.937
I. Tài sản cố định	220		46.075.191.566	50.005.509.409
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	37.351.114.866	41.281.432.709
- Nguyên giá	222		210.446.331.106	199.038.289.943
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(173.095.216.240)	(157.756.857.234)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	8.724.076.700	8.724.076.700
- Nguyên giá	228		9.092.688.950	9.092.688.950
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(368.612.250)	(368.612.250)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		22.201.808.841	21.042.418.477
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	22.201.808.841	21.042.418.477
III. Tài sản dài hạn khác	260		10.662.186.891	6.302.815.051
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	5.642.106.797	6.302.815.051
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.10	5.020.080.094	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		578.230.312.356	539.821.843.382

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		318.692.040.614	292.646.443.830
I. Nợ ngắn hạn	310		314.409.705.330	288.364.108.546
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	41.725.191.461	53.973.025.865
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	47.873.412.061	61.312.039.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	23.739.572.126	17.751.565.761
4. Phải trả người lao động	314		182.522.462.799	136.343.602.036
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	2.268.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	3.747.065.610	4.301.478.817
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.802.001.273	14.680.128.867
II. Nợ dài hạn	330		4.282.335.284	4.282.335.284
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	4.282.335.284	4.282.335.284
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		259.538.271.742	247.175.399.552
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	259.538.271.742	247.175.399.552
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		118.900.000.000	118.900.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		118.900.000.000	118.900.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		(11.000.000)	(11.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		68.252.537.494	8.414.910.029
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		72.396.734.248	119.871.489.523
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	31.735.972.371
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		72.396.734.248	88.135.517.152
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		578.230.312.356	539.821.843.382

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



Vũ Thị Ngát

Ngày 01 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Hà Văn Duyệt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.349.745.091.165	1.068.343.099.321
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.349.745.091.165	1.068.343.099.321
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.167.596.646.534	900.288.177.282
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		182.148.444.631	168.054.922.039
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.401.494.265	5.242.631.485
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.140.992.196	2.413.763.275
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		640.951.231	572.714.067
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	14.022.968.383	11.679.368.145
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	53.484.771.668	48.759.532.172
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		121.901.206.649	110.444.889.932
11. Thu nhập khác	31	VI.7	716.729.673	594.771.761
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.101.325.794	114.651.839
13. Lợi nhuận khác	40		(384.596.121)	480.119.922
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		121.516.610.528	110.925.009.854
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	30.362.156.374	22.739.390.534
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(5.020.080.094)	50.102.168
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		96.174.534.248	88.135.517.152
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	7.280	6.468

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



Vũ Thị Ngát

Ngày 01 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Hà Văn Duyệt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	121.516.610.528	110.925.009.854
2. Điều chỉnh cho các khoản	02	15.997.497.188	17.026.854.990
- Khấu hao tài sản cố định	04	1.313.192.294	70.254.781
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	05	(2.414.343.173)	(3.112.784.995)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	06	640.951.231	572.714.067
- Chi phí lãi vay	08	137.053.908.068	125.482.048.697
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	09	(78.614.404.179)	(44.754.556.518)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	10	42.191.965.055	(42.982.292.436)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	11	23.423.049.493	62.328.699.974
- Tăng, giảm các khoản phải trả	12	660.708.254	2.237.251.932
- Tăng, giảm chi phí trả trước	14	(640.951.231)	(572.714.067)
- Tiền lãi vay đã trả	15	(27.889.390.534)	(20.966.637.264)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(12.356.389.652)	(5.938.484.028)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	20	83.828.495.274	74.833.316.290
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định	21	(13.226.569.709)	(31.411.508.277)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	300.000.000	328.918.096
3. Tiền thu lãi cho vay; cổ tức được chia	27	2.114.343.173	2.783.866.899
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.812.226.536)	(28.298.723.282)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(71.333.400.000)	(28.220.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(71.333.400.000)	(28.220.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.682.868.738	18.314.193.008
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	170.855.799.690	152.576.217.095
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(473.963.813)	(34.610.413)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	172.064.704.615	170.855.799.690

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



Vũ Thị Ngát

Ngày 01 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Hà Văn Duyệt